TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 16 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 131/2025/HS-ST
Ngày 19/9/2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 16 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Ông Võ Ngọc Công

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Đức Lợi.

2. Ông Trần Đình Thừa.

- Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Văn Ninh, Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 16 - Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 16 - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên toà: Ông Cao Tấn Ngoan, Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 9 năm 2025 tại điểm cầu trung tâm: Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh (Cơ sở 1) và điểm cầu thành phần: Phân trại tạm giam khu vực D (Trại tạm giam số 2) – Công an Thành phố H xét xử sơ thẩm công khai bằng hình thức trực tuyến đối với vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 61/2025/TLST-HS ngày 01 tháng 8 năm 2025, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 136/2025/QĐXXST-HS ngày 05 tháng 9 năm 2025 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Văn T, sinh năm 1995 tại tỉnh An Giang; thường trú: Số A, tổ A, khóm Đ, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang (nay là phường L, tỉnh An Giang); Chỗ ở: Số A, nhà trọ số D đường N, khu phố B, phường A, thành phố D, tỉnh Bình Dương (nay là phường D, Thành phố Hồ Chí Minh); nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 5/12; Quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Phật giáo; giới tính: Nam; con ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1967 và bà Nguyễn Thị Đ1, sinh năm 1969; bị cáo có 01 em ruột, sinh năm 2006; bị cáo chưa có vợ con; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 20/02/2025; có mặt.

2. Phạm Thị Thanh T1, sinh năm 1986 tại Thành phố Hồ Chí Minh; Thường trú: Số A, đường số I, khu phố F, phường L, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là phường L, Thành phố Hồ Chí Minh); chỗ ở: Số A, nhà trọ số D đường N, khu phố B, phường A, thành phố D, tỉnh Bình Dương (nay là phường D, Thành phố Hồ Chí Minh); nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 5/12; Quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; giới tính: Nữ; con ông Phạm Văn T2, sinh năm 1960 và bà Phạm Thị Ngọc M, sinh năm 1963; bị cáo có 01 anh ruột, sinh năm 1984; bị cáo có chồng tên Võ Minh L, sinh năm 1987 (đã ly hôn), có 01 con sinh năm 2012; tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Ngày 22/4/2023 bị Công an phường L, thành phố T,

Thành phố Hồ Chí Minh (nay là phường L, Thành phố Hồ Chí Minh) xử phạt 1.500.000 đồng về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy, theo Quyết định số 4890/QQD-XPHC, đóng tiền phạt 04/5/2023; bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 20/02/2025; có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

1. Bà Phạm Thị Ngọc M, sinh năm 1963; địa chỉ: Số A, đường số I, khu phố F, phường L, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là phường L, Thành phố Hồ Chí Minh); có mặt.

2. Bà Võ Thị Thanh T3, sinh năm 1990; địa chỉ: Số D khu phố B, phường D, Thành phố Hồ Chí Minh; vắng mặt.

3. Ông Nguyễn Đức L1, sinh năm 1954; địa chỉ: Thôn C, xã V, tỉnh Tuyên Quang; vắng mặt.

**Người tham gia tố tụng khác:*

- *Người làm chứng*: Ông Hoàng Tiến D; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Văn T và Phạm Thị Thanh T1 sống với nhau tại phòng trọ số A, nhà trọ số D, đường N, khu phố B, phường D, thành phố Hồ Chí Minh, cả hai không có việc làm ổn định và đều sử dụng trái phép chất ma tuý. Do có nhu cầu sử dụng ma tuý nên vào khoảng 20 giờ 00 phút ngày 19/02/2025, T sử dụng điện thoại di động hiệu Redmi 9C gắn sim số 0394264756 nhắn tin cho Phạm Thị Thanh T1 bằng ứng dụng Zalo với nội dung "hết rồi em" T1 liền hiểu "hết ma tuý rồi". Lúc này, T1 dùng điện thoại di động kiểu dáng Vivo Y12s màu xanh gắn sim 0335727138 gọi cho một người phụ nữ (không rõ nhân thân, lai lịch) không nhớ số điện thoại chỉ nhớ số đuôi là 92 để hỏi mua ma tuý, sau khi liên lạc T1 đặt mua với số tiền 550.000 đồng ma tuý loại đá rồi T1 hẹn người bán đến gần khu vực số nhà A, đường P, khu phố F, phường L, thành phố T, thành phố Hồ Chí Minh (nay là phường L, Thành phố Hồ Chí Minh), do T1 đang đi công việc đang ở gần địa chỉ này để giao ma túy. Đến khoảng 21 giờ 00 giờ cùng ngày, T1 mượn xe mô tô biển số 59X2-155.57 kiểu dáng Wave của mẹ ruột là bà Phạm Thị Ngọc M để đi đến điểm nhận ma tuý. Đến nơi, T1 đợi khoảng 05 phút thì có một người phụ nữ chạy xe mô tô (không rõ biển số) đến giao cho T1 01 khẩu trang y tế gói 01 gói ma túy được bảo quản trong túi nylon miệng kéo dính, T1 trả 550.000 đồng. Nhận ma tuý xong, T1 điều khiển xe về phòng trọ với T. Khi vào phòng, T1 lấy gói ma tuý từ trong túi áo ra lên bàn gỗ cạnh chỗ T ngồi. T lấy một ít ma túy đổ vào bộ dụng cụ sử dụng ma túy rồi dùng bật lửa đốt nỏ thủy tinh của bộ D3 để sử dụng (hút) ma tuý. Lúc này, T đưa bộ dụng cụ và đốt lên cho T1 hút khoảng 03 hơi rồi T1, T tiếp tục sử dụng cho đến khi hết ma tuý trong nỏ thuỷ tinh rồi nằm ngủ. Khoảng 07 giờ 00 ngày 20/02/2025, T tiếp tục lấy ma tuý đá đổ vào nỏ thuỷ tinh rồi nấu lên sử dụng một mình, ma tuý còn lại T bỏ vào hộp giấy cất giữ. Sau đó, T và T1 xảy ra việc ghen tuông và cự cãi nhau. Đến 11 giờ cùng ngày, Công an phường A kiểm tra phát hiện thu giữ 01 bộ dụng cụ sử dụng ma túy gồm 01 chai nhựa gắn 01 ống hút nhựa và 01 nỏ thủy tinh, bên trong nỏ thủy tinh còn một chất màu nâu, T và T1 khai nhận là ma túy sử dụng chưa hết nên Công an tiến hành lập biên bản niêm phong tang vật và lập biên bản phạm tội quả tang. Đồng thời báo Cơ quan Cảnh sát

điều tra Công an thành phố D, tỉnh Bình Dương (nay là Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố H) tiến hành ngay việc khám xét thu giữ 01 túi nylon miệng kéo dính bên trong chứa tinh thể màu trắng T và T1 khai là ma túy đá, 01 ống hút nhựa cắt xéo, 01 bật lửa đã qua sử dụng được đựng bên trong 01 hộp bằng giấy màu đỏ.

Qua điều tra xác định: Nguyễn Văn T và Phạm Thị Thanh T1 thuê phòng trọ số 11, nhà trọ số D, đường N, khu phố B, phường D, thành phố Hồ Chí Minh từ tháng 12/2024 đến khi bị bắt và nhiều lần sử dụng ma tuý cùng với nhau tại phòng trọ, cụ thể các lần gần nhất: ngày 17/02/2025, 18/02/2025 và 19/02/2025 mỗi ngày sử dụng chung 01 lần, riêng ngày 20/02/2025, chỉ có một mình T sử dụng, nguồn ma túy là do Phạm Thị Thanh T1 mua về cho cả hai sử dụng, tất cả những lần sử dụng ma túy đều do T chuẩn bị bộ dụng cụ và nấu ma túy.

* Vật chứng thu giữ trong vụ án: 01 (một) bộ dụng cụ sử dụng trái phép chất ma tuý (nỏ thuỷ tinh, chai nhựa, ống hút nhựa) bên trong nỏ thuỷ tinh còn chất màu nâu; 01 túi nylon miệng kéo dính và hàn kín bên trong chứa tinh thể màu trắng được để trong hộp giấy màu đỏ để dưới kệ bàn gỗ trong phòng trọ; 01 hộp giấy màu đỏ bên trong đựng 01 đoạn ống hút cắt xéo, 01 bật lửa; 01 (một) xe mô tô biển số 59X2-15557 nhãn hiệu Wave, số máy RNRHA152FMH117920; số khung RNRWCH1UMA1117920; 01 điện thoại di động hiệu Redmi 9C, số seri M2006C3M, màu xanh sim số 0394264756 của Nguyễn Văn T và 01 điện thoại di động hiệu Vivo Y12s số seri V2039 màu xanh có sim số 0909493465 và sim số 0335727138 của Phạm Thị Thanh T1.

* Căn cứ Kết luận giám định số: 1052/KL-KTHS(MT) ngày 26 tháng 02 năm 2025 của Phòng K Công an tỉnh B (nay là Công an Thành phố H), kết luận: Chất màu nâu trong nỏ thủy tinh (M1) có khối lượng 0,2098 gam và 01 túi nylon chứa tinh thể màu trắng (M2) có khối lượng 0,3770 gam là ma túy, loại Methamphetamine.

* Kết quả kiểm tra ma tuý đối với bị cáo Nguyễn Văn T và bị cáo Phạm Thị Thanh T1 dương tính với ma tuý loại Methamphetamine.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hay khiếu nại gì về Kết luận giám định số: 1052/KL-KTHS(MT) ngày 26 tháng 02 năm 2025 của Phòng K Công an tỉnh B (nay là Công an Thành phố H).

- Đối với bà Võ Thị Thanh T3, sinh năm 1990; thường trú: Số D Khu phố B, phường D, Thành phố Hồ Chí Minh là chủ nhà trọ số 483B, đường N, khu phố B, phường D, Thành phố Hồ Chí Minh cho bị cáo T1 và T thuê trọ, không biết T1 và T Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy tại phòng trọ nên không đề cập xử lý.

- Đối với người phụ nữ bán ma túy cho Phạm Thị Thanh T1 tại khu vực gần nhà số A đường P, phường L, thành phố Hồ Chí Minh, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố H chưa xác định được nhân thân, lai lịch nên Cảnh sát điều tra Công an Thành phố H tiếp tục xác minh làm rõ, khi nào có căn cứ xử lý sau.

Tại cáo trạng số: 48/CT – VKS-DA ngày 31 tháng 7 năm 2025, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh truy tố các bị cáo Nguyễn Văn T và Phạm Thị Thanh T1 về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" và "Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy" theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249, điểm a khoản 2 Điều 255 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017. Tại phiên tòa, trong phần tranh luận đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249 và điểm a khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1 Điều 51 và Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 để xử phạt:

+ Bị cáo Nguyễn Văn T với mức hình phạt từ 02 năm 03 tháng đến 02 năm 09 tháng tù về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" và mức hình phạt từ 07 năm 06 tháng đến 08 năm 06 tháng tù về tội "Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy", đồng thời áp dụng điểm a khoản 1 Điều 55 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017, tổng hợp hình phạt chung của 02 tội danh từ 09 năm 09 tháng đến 11 năm 03 tháng tù.

+ Bị cáo Phạm Thị Thanh T1 với mức hình phạt từ 02 năm 03 tháng đến 02 năm 09 tháng tù về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" và mức hình phạt từ 07 năm 06 tháng đến 08 năm 06 tháng tù về tội "Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy", đồng thời áp dụng điểm a khoản 1 Điều 55 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017, tổng hợp hình phạt chung của 02 tội danh từ 09 năm 09 tháng đến 11 năm 03 tháng tù.

* Về xử lý vật chứng:

- Đối với 02 (hai) bì thư niêm phong có ký hiệu số: 1052M1/PC09, 1052M2/PC09, bên trong bì thư là mẫu vật hoàn lại sau giám định được kết luận là ma tuý loại Methamphetamine có khối lượng M1=0,1274 gam; M2=0,3369 gam, 01 nỏ thủy, 01 hộp giấy màu đỏ, 01 đoạn ống hút cắt xéo, 01 bật lửa, 01 chai nhựa nắp màu đỏ có gắn ống hút màu trắng xanh, sim số 0394264756; sim số 0909493465 và sim số 0335727138, là vật cấm lưu thông, công cụ phương tiện sử dụng vào việc phạm tội, không còn giá trị sử dụng nên đề nghị tịch thu tiêu hủy.

- Đối với 01 (một) điện thoại di động hiệu Redmi 9C, số seri M2006C3M, màu xanh của bị cáo Nguyễn Văn T và 01 (một) điện thoại di động hiệu Vivo Y12s số seri V2039 màu xanh của bị cáo Phạm Thị Thanh T1 dùng vào việc phạm tội nên đề nghị tịch thu nộp vào Ngân sách Nhà nước.

- Đối với 01 (một) xe mô tô biển số 59X2-15557 nhãn hiệu Wave, số máy RNRHA152FMH117920; số khung RNRWCH1UMA1117920 do ông Phạm Văn Đ2, sinh năm 1937; thường trú: Số A đường số I, khu phố F, phường L, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là phường L, Thành phố Hồ Chí Minh) là ông ngoại của T1 đứng tên đăng ký. Ông Đ2 chết ngày 20/7/2024, bà Phạm Thị Ngọc M (mẹ của T1) quản lý sử dụng. Bà M cho T1 mượn làm phương tiện đi lại, T1 sử dụng đi mua ma túy bà M không biết nên Cơ quan Cảnh điều tra Công an tỉnh B đã trả lại xe trên cho bà M.

Tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến tranh luận với đại diện Viện kiểm sát về điều luật áp dụng, khung hình phạt, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và xử lý vật chứng đồng thời trong lời nói sau cùng các bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an Thành phố H, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo và những người tham gia tố tụng không có ý kiến hay khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó,

các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Căn cứ xác định hành vi phạm tội của các bị cáo: Căn cứ vào lời khai của các bị cáo và người chứng kiến; biên bản bắt người phạm tội quả tang ngày 20/02/2024, Kết luận giám định số: 1052/KL-KTHS(MT) ngày 26 tháng 02 năm 2025 của Phòng K Công an tỉnh B (nay là Công an Thành phố H) và những chứng cứ, tài liệu được thu thập trong hồ sơ vụ án, xác định: Khoảng 11 giờ 00 ngày 20/02/2025, tại phòng trọ số A, nhà trọ số D, đường N, khu phố B, phường D, Thành phố Hồ Chí Minh. Bị cáo Nguyễn Văn T và Phạm Thị Thanh T1 có hành vi cất giữ 0,5868 gam ma tuý loại Methamphetamine mục đích để sử dụng thì bị phát hiện bắt quả tang. Ngoài ra, các bị cáo Nguyễn Văn T và Phạm Thị Thanh T1 còn nhiều lần cùng nhau tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy vào các ngày 17, 18, 19 và 20/02/2025 tại phòng trọ số A, nhà trọ số D, đường N, khu phố B, phường D, Thành phố Hồ Chí Minh.

Hành vi của các bị cáo Nguyễn Văn T và Phạm Thị Thanh T1 đã bàn bạc, thống nhất mua ma túy phòng trọ do T và T1 để cùng nhau sử vào các ngày 17, 18, 19 và 20/02/2025, đã đủ yếu tố cấu thành tội "Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy" với tình tiết định khung "Phạm tội 02 lần trở lên" theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 255 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017. Ngoài ra, sau khi khám xét thu giữ ma túy của các bị cáo T và T1 có tổng khối lượng là 0,5868 gam ma tuý, loại Methamphetamine, mục đích cất lại để sử dụng, đã đủ yếu tố cấu thành tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Do đó, Cáo trạng số: 48/CT-VKS-DA ngày 31 tháng 7 năm 2025 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh và kết luận của Kiểm sát viên đề nghị truy tố các bị cáo với các tội danh như trên là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật; các bị cáo hoàn toàn đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự.

[3] Tính chất, mức độ của hành vi: Tội phạm do các bị cáo thực hiện là nghiêm trọng và rất nghiêm trọng, đã trực tiếp xâm phạm đến sự quản lý độc quyền của Nhà nước về chất ma túy gây mất trật tự trị an tại địa phương. Các bị cáo là người có năng lực trách nhiệm hình sự nhận thức rõ hành vi tàng trữ và tổ chức để sử dụng trái phép chất ma túy là vi phạm pháp luật nhưng vì để có ma túy sử dụng, mục đích tư lợi của bản thân mà các bị cáo vẫn cố ý thực hiện. Vì vậy, cần xử phạt các bị cáo với mức án tương xứng với tính chất mức độ tội phạm đã thực hiện, có xét đến các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của các bị cáo, đủ để cải tạo, giáo dục các bị cáo và có tác dụng đấu tranh phòng ngừa chung.

[4] Trong vụ án tính chất đồng phạm nhưng là giản đơn không có sự cấu kết chặt chẽ, không có sự bàn bạc, phân công vai trò cụ thể khi thực hiện hành vi phạm tội nên không xem là phạm tội có tổ chức.

[5] Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[6] Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

[7] Về nhân thân: Bị cáo T1 đã từng xử phạt hành chính về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy, đã được xóa đồng thời các bị cáo là người sử dụng trái phép chất ma túy nên cũng cần xem xét khi quyết định hình phạt đối với các bị cáo.

[8] Về hình phạt:

- Hình phạt chính: Xét các bị cáo phạm tội nghiêm trọng và rất nghiêm trọng, đã xâm phạm vào sự quản lý độc quyền của Nhà nước về chất ma tuý, các bị cáo là người sử dụng trái phép chất ma túy đồng thời hành vi phạm tội của các bị cáo ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương. Vì vậy Hội đồng xét xử quyết định áp dụng hình phạt tù đối với các bị cáo, cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới đủ để giáo dục, cải tạo các bị cáo thành công dân có ích cho gia đình, xã hội và có tác dụng đấu tranh, phòng ngừa chung.

- Hình phạt bổ sung: Theo quy định tại tại khoản 5 Điều 249 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017: *"Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản"* và khoản 5 Điều 255 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 *"Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng, phạt quản chế, cấm lưu trú từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản"*. Tuy nhiên, áp dụng phạt tù cũng đủ để răn đe, giáo dục các bị cáo nên Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[9] Về xử lý vật chứng:

- Đối với 02 (hai) bì thư niêm phong có ký hiệu số: 1052M1/PC09, 1052M2/PC09, bên trong bì thư là mẫu vật hoàn lại sau giám định được kết luận là ma tuý loại Methamphetamine có khối lượng M1=0,1274 gam; M2=0,3369 gam, 01 nỏ thủy, 01 hộp giấy màu đỏ, 01 đoạn ống hút cắt xéo, 01 bật lửa, 01 chai nhựa nắp màu đỏ có gắn ống hút màu trắng xanh, sim số 0394264756; sim số 0909493465 và sim số 0335727138, là vật cấm lưu thông, công cụ phương tiện sử dụng vào việc phạm tội, không còn giá trị sử dụng nên đề nghị tịch thu tiêu hủy.

- Đối với 01 (một) điện thoại di động hiệu Redmi 9C, số seri M2006C3M, màu xanh của bị cáo Nguyễn Văn T và 01 (một) điện thoại di động hiệu Vivo Y12s số seri V2039 màu xanh của bị cáo Phạm Thị Thanh T1 dùng vào việc phạm tội nên cần tịch thu nộp vào Ngân sách Nhà nước.

- Đối với 01 (một) xe mô tô biển số 59X2-15557 nhãn hiệu Wave, số máy RNRHA152FMH117920; số khung RNRWCH1UMA1117920 do ông Phạm Văn Đ2, sinh năm 1937; thường trú: Số A đường số I, khu phố F, phường L, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là phường L, Thành phố Hồ Chí Minh) là ông ngoại của T1 đứng tên đăng ký. Ông Đ2 chết ngày 20/7/2024, bà Phạm Thị Ngọc M (mẹ của T1) quản lý sử dụng. Bà M cho T1 mượn làm phương tiện đi lại, T1 sử dụng đi mua ma túy bà M không biết nên Cơ quan Cảnh điều tra Công an tỉnh B đã trả lại xe trên cho bà M, là đúng quy định của pháp luật.

[10] Đối với bà Võ Thị Thanh T3, sinh năm 1990; thường trú: Số D khu phố B, phường D, Thành phố Hồ Chí Minh là chủ nhà trọ số 483B, đường N, khu phố B, phường D, Thành phố Hồ Chí Minh cho T1 và T thuê trọ, không biết T1 và T Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy tại phòng trọ nên không đề cập xử lý, là đúng theo quy định của pháp luật.

Đối với người phụ nữ bán ma túy cho bị cáo Phạm Thị Thanh T1 tại khu vực gần nhà số A đường P, phường L, thành phố Hồ Chí Minh. Quá trình điều tra, bị cáo T1 khai nhận chỉ nhớ người phụ nữ bán ma túy cho bị cáo sử dụng sim có 02 số cuối là 92. Cơ quan điều tra Công an tỉnh B đã tiến hành kiểm tra cuộc gọi đi và đến có trong danh bạ điện thoại của bị cáo T1 xác định có sim số 0936152292, qua điều tra xác định chủ thuê bao của sim số này là ông Nguyễn Đức L1, sinh năm 1954; địa chỉ: Thôn C, xã V, tỉnh Tuyên Quang, ông L1 xác nhận không sử dụng sim số này từ năm 2022 và không biết bị cáo T1 là ai. Vì vậy, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh B đã văn bản gửi Cục B để xác định chủ thuê bao có sim số 0335727138 (sim số bị cáo T1 gọi cho người bán ma túy), nhưng đến nay không nhận được văn bản trả lời của Cục B, đồng thời bị cáo T1 cũng xác nhận sim số trên là của bị cáo T1 sử dụng để mua ma túy và không biết người phụ nữa bán ma túy cho mình ở đâu nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh B (nay là Cơ quan Cảng sát điều tra Công an Thành phố H) tiếp tục xác minh, làm rõ xử lý sau, là đúng quy định của pháp luật.

[11] Xét đề nghị Viện kiểm sát về tội danh, điều luật áp dụng, khung hình hình phạt đối với các bị cáo, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của các bị cáo và xử lý vật chứng là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[12] Án phí sơ thẩm: Các bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc Hội khoá 14 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Văn T và Phạm Thị Thanh T1 phạm tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" và "Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy".

1.1 Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; Điều 38; điểm s khoản 1 Điều 51 và Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T 02 (hai) năm 03 (ba) tháng về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy".
- Xử phạt bị cáo Phạm Thị Thanh T1 02 (hai) năm 03 (ba) tháng về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy".

1.2 Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 255; Điều 38; điểm s khoản 1 Điều 51 và Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T 07 (bảy) năm 06 (sáu) tháng tù về tội "Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy".
- Xử phạt bị cáo Phạm Thị Thanh T1 07 (bảy) năm 06 (sáu) tháng tù về tội "Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy".

1.3 Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 55 Bộ luật Hình sự Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

- Tổng hợp hình phạt cả 02 tội, buộc bị cáo Nguyễn Văn T phải chấp hành hình phạt chung là 09 (chín) năm 09 (chín) tháng tù. Thời hạn tù được tính từ ngày 20/02/2025.

- Tổng hợp hình phạt cả 02 tội, buộc bị cáo Phạm Thị Thanh T1 phải chấp hành hình phạt chung là 09 (chín) năm 09 (chín) tháng tù. Thời hạn tù được tính từ ngày 20/02/2025.

2. Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm a, c khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; điểm c khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

- Tịch thu tiêu hủy: 01 (một) bì thư được niêm phong có ký hiệu 1052M1/PC09 bên ngoài bì thư có chữ ký của người lập biên bản Đỗ Hồng T4, điều tra viên Nguyễn Quốc C, người chứng kiến Hoàng Tiến D, người có đồ vật bị niêm phong Nguyễn Văn T và hình dấu tròn đỏ của Công an phường A, D, Bình Dương và 01 (một) bì thư được niêm phong có ký hiệu 1052M2/PC09 bên ngoài bì thư có chữ ký của người lập biên bản Đỗ Hồng T4, điều tra viên Nguyễn Quốc C, người chứng kiến Hoàng Tiến D, người có đô vật bị niêm phong Nguyễn Văn T và hình dấu tròn đỏ của Công an phường A, D, Bình Dương. Cả hai bì thư được dán chung một giấy niêm phong có chữ ký bên nhận Đỗ Hồng T5, chữ ký người chứng kiến Nguyễn Văn T, chữ ký bên trả Nguyễn Ngọc D1 và được đóng dấu tròn đỏ niêm phong của Phòng K Công an tỉnh B. Bên trong bì thư niêm phong các mẫu: M1 = 0,1274 gam (ma tuý còn lại sau giám định), 01 nỏ thuỷ tinh; M2 = 0.3369 gam (ma tuý còn lại sau giám định); (kèm theo Kết luận giám định số 1052/KL-KTHS(MT) ngày 26 tháng 02 năm 2025 của Phòng K - Công an tỉnh B), 01 chai nhựa nắp màu đỏ có gắn 01 ống hút nhựa màu trắng xanh, 01 hộp giấy màu đỏ, 01 đoạn ống hút cắt xéo, 01 bật lửa và các sim số 0394.265.756, 0909.493.465 và 0335.727.138.

- Tịch thu sung vào Ngân sách Nhà nước: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Redmi 9C, số seri M2006C3M, màu xanh; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Vivo Y12s, số seri V2039, màu xanh đóng gói niêm trong một bì thư màu trắng, tại điểm niêm phong có chữ ký của cán bộ niêm phong Nguyễn Mạnh T6 cùng dấu mộc đỏ của Phòng K Công an tỉnh B kèm theo Kết luận giám định số 2411/KL-KTHS ngày 10/06/2025 của Công an tỉnh B cùng 01 biên bản đóng gói, niêm phong và giao nhận lại đối tượng giám định ngày 17/6/2026 của bên giao Nguyễn Mạnh T6, bên nhận Lê Anh D2.

(Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 21/8/2025 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra Công an Thành phố H với Phòng Thi hành án dân sự khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh).

3. Về án phí hình sự sơ thẩm: Áp dụng khoản 2 Điều 135 Bộ luật Tố tụng Hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội khoá 14 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Các bị cáo Nguyễn Văn T và Phạm Thị Thanh T1, mỗi bị cáo phải nộp 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ./.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 16 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH** THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /2025/HSST-QĐTG *Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 9 năm 2025*

QUYẾT ĐỊNH TẠM GIAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 16 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Võ Ngọc Công

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Đình T7 và ông Nguyễn Đức L2.

Căn cứ vào các Điều 109, 113, 119 và 329 của Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015;

Căn cứ vào biên bản nghị án ngày 19 tháng 9 năm 2025 của Hội đồng xét xử sơ thẩm.

Xét thấy, cần thiết tiếp tục giam bị cáo để đảm bảo cho việc thi hành án.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1.

Tạm giam bị cáo Nguyễn Văn T, sinh năm 1995 tại tỉnh An Giang; thường trú: Số A, tổ A, khóm Đ, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang (nay là phường L, tỉnh An Giang); Chỗ ở: Số A, nhà trọ số D đường N, khu phố B, phường A, Thành phố D, tỉnh Bình Dương (nay là phường D, Thành phố Hồ Chí Minh); nghề nghiệp: Lao động tự do

Bị Toà án nhân dân khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 02 (hai) năm 03 (ba) tháng về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" và 07 (bảy) năm 06 (sáu) tháng tù về tội "Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy".

Theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 và điểm a khoản 2 Điều 255 Bộ luật Hình sự 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Thời hạn tạm giam là 45 (bốn mươi lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án (19/9/2025)

Điều 2.

Phân trại tạm giam khu vực D (Trại giam S1) có trách nhiệm thi hành quyết định này.

Nơi nhận: - VKSND khu vực 16 - TP .; - Phân trại tạm giam khu vực D; - Bị cáo; - Lưu hồ sơ vụ án.	**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM** **Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa** **Võ Ngọc Công**

TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 16 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH** THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /2025/HSST-QĐTG *Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 9 năm 2025*

QUYẾT ĐỊNH TẠM GIAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 16 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Võ Ngọc Công

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Đình T7 và ông Nguyễn Đức L2.

Căn cứ vào các Điều 109, 113, 119 và 329 của Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015;

Căn cứ vào biên bản nghị án ngày 19 tháng 9 năm 2025 của Hội đồng xét xử sơ thẩm.

Xét thấy, cần thiết tiếp tục giam bị cáo để đảm bảo cho việc thi hành án.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1.

Tạm giam bị cáo Phạm Thị Thanh T1, sinh năm 1986 tại Thành phố Hồ Chí Minh; Thường trú: Số A, đường số I, khu phố F, phường L, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là phường L, Thành phố Hồ Chí Minh); chỗ ở: Số A, nhà trọ số D đường N, khu phố B, phường A, Thành phố D, tỉnh Bình Dương (nay là phường D, Thành phố Hồ Chí Minh); nghề nghiệp: Không.

Bị Toà án nhân dân khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 02 (hai) năm 03 (ba) tháng về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" và 07 (bảy) năm 06 (sáu) tháng tù về tội "Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy".

Theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 và điểm a khoản 2 Điều 255 Bộ luật Hình sự 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Thời hạn tạm giam là 45 (bốn mươi lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án (19/9/2025)

Điều 2.

Phân trại tạm giam khu vực D (Trại giam S1) có trách nhiệm thi hành quyết định này.

Nơi nhận: - VKSND khu vực 16 – TP. Hồ Chí Minh; - Phân trại tạm giam khu vực Dĩ An; - Bị cáo; - Lưu hồ sơ vụ án.	**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM** **Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa** **Võ Ngọc Công**